

Số: 73/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

Căn cứ Điều 397 và Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 80/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Huỳnh Tấn D**, sinh năm 1989;
- Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: **Tổ A, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Huỳnh Tấn D** và chị **Phạm Thị T** qua tìm hiểu đến ngày 13/11/2017 thì đăng ký kết hôn tại **UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai**. Sau thời gian chung sống với nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng có sự khác biệt về quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Vợ chồng xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận cho anh **Huỳnh Tấn D** và chị **Phạm Thị T** thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh **Huỳnh Tấn D** và chị **Phạm Thị T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 (Hai) con chung là cháu **Huỳnh Hữu S**, sinh ngày 02/11/2018 và cháu **Huỳnh Gia H**, sinh ngày 30/6/2021. Khi ly hôn, anh **Huỳnh Tấn D** được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung là cháu **Huỳnh Hữu S**, sinh ngày 02/11/2018 và cháu **Huỳnh Gia H**, sinh ngày 30/6/2021. Chị **Phạm Thị T** cấp dưỡng tiền nuôi 02 (Hai) con hàng tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) vào ngày 20 hàng tháng kể từ tháng 4 năm 2026.

Đến thời hạn cấp dưỡng tiền nuôi con, nếu chị **Phạm Thị T** không cấp dưỡng hoặc cấp dưỡng không đủ số tiền nuôi con đã thỏa thuận, anh **Huỳnh Tấn D1** có đơn yêu cầu thi hành án thì chị **Phạm Thị T** còn phải trả lãi với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng theo lãi suất quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, chị **Phạm Thị T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, chị **Phạm Thị T** không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh **Huỳnh Tấn D** và chị **Phạm Thị T** phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày 08/4/2026 về việc lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Huỳnh Tấn D** và chị **Phạm Thị T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh **Huỳnh Tấn D** được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung là cháu **Huỳnh Hữu S**, sinh ngày 02/11/2018 và cháu **Huỳnh Gia H**, sinh ngày 30/6/2021. Chị **Phạm Thị T** cấp dưỡng tiền nuôi 02 (Hai) con hàng tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) vào ngày 20 hàng tháng kể từ tháng 4 năm 2026.

Đến thời hạn cấp dưỡng tiền nuôi con, nếu chị **Phạm Thị T** không cấp dưỡng hoặc cấp dưỡng không đủ số tiền nuôi con đã thỏa thuận, anh **Huỳnh Tấn D1** có đơn yêu cầu thi hành án thì chị **Phạm Thị T** còn phải trả lãi với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng theo lãi suất quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, chị **Phạm Thị T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, chị **Phạm Thị T** không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Huỳnh Tấn D** và chị **Phạm Thị T** phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0001391 ngày 03/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Anh **Huỳnh Tấn D** và chị **Phạm Thị T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 7 - QN;
- Phòng THADS Khu vực 7 - QN;
- UBND phường Đăk Cầm, tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Tỷ